



yuè yě chē

越野车

noun · off-road vehicle; SUV

Example Sentences

tā kāi zhe yí liàng yuè yě chē qù shā mò tàn xiǎn
他开着一辆越野车去沙漠探险。

He drove an off-road vehicle to explore the desert.

yuè yě chē zài ní níng de shān lù shàng xíng shǐ dé hěn wěn
越野车在泥泞的山路上行驶得很稳。

The off-road vehicle drove steadily on the muddy mountain road.

Trace each character, then write the word on your own.

越	越	越	越	越	越	越	越	越	越	越
越	越	越	越							

野	野	野	野	野	野	野	野	野	野	野
野	野	野								

车	车	车	车	车	车	车				